

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 1 năm 2018

Năm 2018, là năm bản lề thực hiện các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, năm đầu tiên Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018-2020.

Ngay từ đầu năm Thành Ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các Kế hoạch, Chương trình hành động với phương châm “Kỷ cương, liên chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả” hướng đến mục tiêu “*Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; Bảo đảm an sinh xã hội và tiếp tục nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến trình xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử; Chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu*”.

Sau đây là một số kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực trong tháng đầu tiên của năm 2018.

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 1 chỉ bằng 91,29% so với tháng trước do doanh nghiệp đã đẩy mạnh sản xuất trong tháng 12 để dự trữ hàng phục vụ Tết. Chỉ số sản xuất của nhiều ngành giảm mạnh như: thoát nước và xử lý nước thải (-36,24%); sản xuất kim loại (-35,71%); in ấn (-35,12%); hóa chất (-23,62%); thuốc (-19,06%); sản xuất sản phẩm điện tử (-13,93%); thiết bị điện (-12,54%)... Một vài ngành có chỉ số tăng nhẹ: sản xuất trang phục (+2,51%); sản xuất đồ uống (+2,16%); chế biến thực phẩm (+1,29%).

Tuy nhiên, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 1/2018 ước tính tăng mạnh 15,04% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của năm 2017 (mức tăng của năm 2017: +3,82%) do thời gian nghỉ Tết Đinh Dậu 2017 tập trung trong tháng 1. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 20,48% chủ yếu do hoạt động hỗ trợ khai thác tăng mạnh; ngành công nghiệp chế biến tăng 15,72%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,81%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 3,58%.

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 21/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất máy móc thiết bị (+37,71%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+30,36%); chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ (+30,02%); dệt (29,82%); chế biến thực phẩm (+28,98%); thuốc (+28,46%); thiết bị điện (+26,58%); đồ uống (+10,55%)... **Một số ngành có mức tăng khá** như: sản xuất phân phối điện (+9,81%); sản xuất trang phục (+5,48%); in ấn (+4,52%)... **Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm**: khai thác, xử lý và cung cấp nước (-2,68%); thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (-15,31%); sản xuất xe có động cơ (-46,19%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 1/2018 so với tháng 12/2017	Tháng 1/2018 so với cùng kỳ
Tổng số	91,29	115,04
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	100,00	120,48
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	91,19	115,72
3. SX và phân phối điện	100,00	109,81
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	89,28	96,42
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	101,29	128,98
2. Sản xuất đồ uống	102,16	110,55
3. Sản xuất trang phục	102,51	105,48
4. Sản xuất da và SP liên quan	100,57	129,69
5. SX hóa chất và SP hóa chất	76,38	118,35
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	94,31	130,36
7. SP. từ khoáng phi kim loại	101,09	120,97
8. Sản xuất SP điện tử	86,07	122,85
9. Sản xuất thiết bị điện	87,46	126,58
10. Sản xuất xe có động cơ	89,70	53,81

Nhìn chung, chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp thành phố vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 01/2018 giảm 9,96% so với tháng trước; Tuy nhiên so với tháng cùng kỳ tăng 19,6% cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 19,75%;
- Ngành hóa dược tăng 25,74%,

- Ngành cơ khí tăng 8,05%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 22,85%. Nguyên nhân do áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật ở trình độ cao từ các dự án của các tập đoàn kinh tế thế giới trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử, thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 01/2018 so với tháng 12/2017	Tháng 01/2018 so với cùng kỳ
Tổng số	90,04	119,11
A - Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	101,74	119,75
10 - Sản xuất chế biến thực phẩm	101,29	128,98
11 - Sản xuất đồ uống	102,16	110,55
B - Nhóm Ngành hóa dược	83,89	125,74
20 - Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	76,38	118,35
21 - Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	80,94	128,46
22 - Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	94,31	130,36
C - Ngành Sản xuất hàng điện tử	86,07	122,85
26 - Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	86,07	122,85
D - Nhóm ngành cơ khí	88,38	108,05
25 - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	73,25	117,66
27 - Sản xuất thiết bị điện	87,46	126,58
28 - Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	99,77	137,71
29 - Sản xuất xe có động cơ	89,7	53,81
30 - Sản xuất phương tiện vận tải khác	91,67	104,41

Các ngành truyền thống: sau nhiều tháng gặp khó khăn trong sản xuất, bước sang tháng 1 ngành sản xuất da đã bất ngờ tăng trưởng trở lại nhờ vào các đơn đặt hàng từ nước ngoài với số lượng lớn, làm tăng 0,57% so với tháng trước và tăng 29,69% so với tháng 1 cùng kỳ. Các ngành khác còn lại tiếp tục tăng khá, ngành may trang phục tăng 5,48% và ngành dệt tăng 29,82% so với tháng cùng kỳ.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong tháng 1 đều tăng so với cùng kỳ, những sản phẩm tăng cao: tivi đạt 901,71 nghìn cái, tăng 84,31%; xi măng đạt 726,89 nghìn tấn, tăng 48,55%; giày dép thể thao đạt 16,11 nghìn đôi, tăng 24,41%; bột giặt đạt 46,95 nghìn tấn, tăng 22,64%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 1 giảm 1,33% so tháng trước và tăng 21,67% so với tháng cùng kỳ. Những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng

cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; dệt; sản xuất thuốc; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất kim loại; sản xuất hóa chất...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/1 tăng giảm 7,89% so với tháng trước; tăng 29,19% so với cùng kỳ. Tình hình tồn kho tăng cao so với cùng kỳ là do các doanh nghiệp chuẩn bị hàng dự trữ để bán cuối năm đặc biệt là ngành sản xuất đồ uống, hàng điện tử và đồ trang trí nội thất giường, tủ, bàn, ghế tăng khá cao. Tuy nhiên cũng có một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất xe có động cơ; sản xuất da; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Ngành nông nghiệp Thành phố năm 2018 tiếp tục mục tiêu phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, ứng dụng công nghệ cao, phấn đấu trở thành trung tâm sản xuất giống có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về rau sạch, hoa tươi, cá kiêng, sữa của thị trường và gắn với phát triển du lịch mang nét đặc trưng của thành phố.

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Vụ đông xuân: đã xuống giống 3.032 ha lúa, giảm 8,7% so cùng kỳ năm trước; chủ yếu tập trung tại huyện Củ Chi với 2.691 ha (chiếm 88,7%), huyện Hóc Môn 246 ha (chiếm 8%). Diện tích rau đạt 3.262,7 ha, tăng 5,1%; trong đó, rau muống hạt là 94,7 ha, rau muống nước là 1.413,9 ha. Hoa, cây cảnh 1.037 ha, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên vụ đông xuân trên cây lúa là 458 ha, tăng 27,5% so với cùng kỳ; rau 729,6 ha, giảm 12,9%. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức độ nhẹ.

1.2. Chăn nuôi: Trong tháng, tình hình phát triển đàn gia súc, gia cầm vẫn tương đối ổn định, không có dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép nhằm phục vụ dịp Tết nguyên đán sắp đến.

Tổng đàn gia súc hiện có: Đàn trâu 4.411 con giảm 10,9% so cùng kỳ; đàn bò 129.627 con, tăng 1,4% (trong đó: bò sữa 88.524 con, giảm 10,9%); đàn lợn 267.717 con, giảm 16,9% so cùng kỳ 2017.

Tổng đàn gia cầm 306,6 nghìn con (trong đó gà 254,4 nghìn con), giảm 23,1% so cùng kỳ.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 1 ước đạt 4.350,3 tấn, tăng 1% cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác 1.364,3 tấn, tăng 2,3%; sản lượng nuôi trồng đạt 2.986 tấn, tăng 0,5%.

Tình hình thả nuôi tôm (tại huyện Cần Giò): tính đến ngày 10/01/2018, đã có 285 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 12,91 triệu con giống trên diện tích 3.241 ha. Tôm thẻ chân trắng có 130 lượt hộ thả nuôi với 35,41 triệu con giống trên diện tích 82,85 ha.

Dịch bệnh trên tôm (tại huyện Cần Giò): trong tháng, 14 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 5,71 ha, thiệt hại 3,13 triệu con giống, đã có 10 hộ với 3,15 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 1 ước thực hiện 549,4 tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 354,8 tỷ đồng, chiếm 64,6%; cấp quận huyện ước thực hiện 194,6 tỷ đồng, chiếm 35,4%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện tháng 1 (tỷ đồng)	So với tháng 1/2017 (%)
Tổng vốn đầu tư	549,4	104,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	47,6	106,9
Cấp thành phố	354,8	126,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	46,8	105,2
Cấp quận huyện	194,6	79,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	0,8	-

Khối lượng thực hiện các dự án (chủ yếu là các dự án chuyển tiếp như cầu đường, thoát nước) trong tháng 1 ước tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể một số công trình mang tính cấp bách nhằm giảm thiểu tình trạng kẹt xe đang được đẩy mạnh tiến độ thi công như: dự án hầm chui nút giao thông ngã tư An Suông, quận 12; nút giao thông Cát Lái, quận 2.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

– Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Tiến độ thực hiện có phần chậm lại, hiện thành phố đang tạm ứng vốn để thi công, khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 57%.

– Dự án cầu vượt vòng xoay Nguyễn Thái Sơn: nhánh còn lại đang vướng giải tỏa, đang tạm ngưng thi công.

2. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài¹

Trong 15 ngày đầu năm, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 26 dự án với vốn đăng ký đạt 4,4 triệu USD. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 12 dự án, vốn đầu tư đạt 15,5 triệu USD; góp vốn, mua cổ phần và mua lại phần vốn góp có 99 dự án, vốn đầu tư đạt 271,1 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh tăng vốn và góp vốn, mua cổ phần đạt 291 triệu USD, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước.

¹ Nguồn Sở kế hoạch và đầu tư

3. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động²

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Trong 15 ngày đầu năm, Thành phố đã cấp phép cho 2.109 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 14.683 tỷ đồng; số giấy phép tăng 35,5%, vốn đăng ký giảm 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu chiếm 72% tổng số doanh nghiệp được cấp phép với vốn đăng ký 10.508 tỷ đồng, tăng 38,6% về số giấy phép và vốn giảm nhẹ 0,3%.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 1.844 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 9.076 tỷ đồng, tăng 36,6% về số giấy phép và tăng 30% về số vốn so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 234 doanh nghiệp, tăng 27,9%; vốn đầu tư đạt 5.592 tỷ đồng, giảm 33,7%. Doanh nghiệp tư nhân 30 đơn vị; vốn đầu tư đạt 16 tỷ đồng, tăng 18,6%.

Phân theo khu vực kinh tế:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** cấp phép thành lập 7 doanh nghiệp; vốn đăng ký đạt 93 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** đã có 428 doanh nghiệp được cấp phép với tổng vốn đăng ký đạt 3.546 tỷ đồng; số giấy phép tăng 19,6%, vốn giảm 1,7%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 222 doanh nghiệp, vốn đăng ký 854 tỷ đồng; xây dựng 197 doanh nghiệp, vốn đăng ký 2.629 tỷ đồng, giảm 8,6%.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 1.674 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 11.044 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số lượng giấy phép tăng 40,7%, vốn giảm 6,3%. Ngành kinh doanh bất động sản dẫn đầu với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 4.225 tỷ đồng với 116 doanh nghiệp, chiếm 38,3% tổng vốn khu vực, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm trước. Thương nghiệp 827 doanh nghiệp, tăng 37,4%; vốn đăng ký 3.380 tỷ đồng, tăng 8,1%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan thuế, từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017, Thành phố có 3.362 doanh nghiệp giải thể (công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm 79%, công ty cổ phần chiếm 12%, doanh nghiệp có vốn nước ngoài chiếm 3,6%); 6.948 doanh nghiệp ngừng hoạt động và 12.591 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

IV. NỘI THƯƠNG

Tháng 1 là thời điểm bắt đầu cho hoạt động mua sắm Tết Mậu Tuất năm 2018, sức mua sẽ tăng dần và cao điểm vào khoảng nửa đầu tháng 2. Các doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch sản xuất, phân phối hàng hóa phục vụ Tết với tổng giá trị ước đạt 17.812,1 tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm trước. Các đơn vị tham gia Chương trình bình ổn thị trường cam kết giữ giá ổn định trong tháng trước và sau Tết, giảm giá sâu vào 2 ngày cận Tết. Đồng thời, Thành phố dự kiến thực hiện khoảng 1.500 đợt khuyến mãi với giá

² Nguồn Sở kế hoạch và đầu tư

trị khoảng 1.200 tỷ đồng, tổ chức khoảng 450 chuyên xe bán hàng lưu động phục vụ công nhân ở lại Thành phố đón Tết.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn Thành phố tháng 1 ước đạt 87.712,3 tỷ đồng, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

Chia theo thành phần kinh tế:

– Kinh tế nhà nước 5.591,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,4% trong tổng số, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

– Kinh tế ngoài nhà nước 69.983,8 tỷ đồng, chiếm 79,8%, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ. Trong đó, 54,3% là khối kinh tế tư nhân, tăng 10,5% so với cùng kỳ.

– Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 12.137,1 tỷ đồng, chiếm 13,8%, tăng 8,6% so với cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế:

– **Thương nghiệp:** tháng 1 ước đạt 56.693,9 tỷ đồng, chiếm 64,6% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 3,8% so với tháng trước và so với cùng kỳ.

Chia theo nhóm hàng: lương thực, thực phẩm chiếm 17,1% trong tổng mức bán lẻ, tăng 7,8% so với cùng kỳ; hàng may mặc chiếm 6,7%, tăng 11,7%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 18,2%, tăng 10,1%; xăng, dầu các loại chiếm 8,3%, tăng 15,4%; phương tiện đi lại (kể cả ô tô) chiếm 8,1%, tăng 6,9%; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 27,3%...

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 8.198 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú chiếm 10,8%, tăng 19,6%; dịch vụ ăn uống chiếm 89,2%, tăng 4,5%.

– **Du lịch lữ hành:** các doanh nghiệp cũng đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi nhằm đáp ứng nhu cầu du xuân. Ngoài ra, trong tháng 1, tuyến tàu thủy cao tốc, kết hợp du lịch lộ trình Thành phố Hồ Chí Minh – Cần Giờ – Vũng Tàu sẽ khai trương, đây là một điểm mới tạo sự hút cho ngành du lịch Thành phố, phục vụ nhu cầu vui chơi Tết sắp đến. Doanh thu du lịch tháng 1 ước đạt 2.527,9 tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng đến 44,1%.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu ước đạt 20.292,5 tỷ đồng, chiếm 23,1% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 1 là 3.405,9 triệu USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước; loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu ước đạt 3.204,9 triệu USD, tăng 36,4%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 4.415,5 triệu USD, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng 62,9%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải tháng 1 ước đạt 8.684,6 tỷ đồng, tăng 6,9% so với tháng trước và tăng 9% so cùng kỳ.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu tháng 1 (tỷ đồng)		% so sánh tháng 1/2018 với tháng 1/2017	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	6.652,7	2.031,8	110,8	103,7
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	428,8	29,7	109,7	100,0
Kinh tế ngoài nhà nước	6.189,1	1.524,7	110,7	113,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	34,8	477,4	140,3	82,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	4.157,2	1.553,5	110,2	112,9
Đường sông	667,6	31,6	118,5	91,5
Đường biển	1.813,1	-	109,3	-
Đường hàng không	14,8	446,7	147,1	81,4

Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 1 ước đạt 6.652,7 tỷ đồng, tăng 7,3% so tháng trước, tăng 10,8% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 9,4%, tăng 9,7% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,0%, tăng 10,7%.

Vận tải đường bộ chiếm 62,5%, tăng 10,20%. Vận tải đường biển chiếm 27,3%, tăng 9,3%.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 1 ước đạt 2.031,8 tỷ đồng, tăng 5,6% so tháng trước, tăng 3,7% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 75%, tăng 13,1% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 23,5%, giảm 18% so cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 76,5%, tăng 12,9% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm 22,9%, giảm 18,6% so cùng kỳ.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 1 tháng năm 2018 thực hiện 32.886 tỷ đồng, đạt 8,73% dự toán, giảm 0,74% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 23.086 tỷ đồng, đạt 9,01% dự toán, giảm 3,13% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 1.200 tỷ đồng, đạt 9,55% dự toán, giảm 20,00% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 8.600 tỷ đồng, đạt 7,96% dự toán, tăng 10,26% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 1 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 1 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	32.886	8,73	99,26
I- Thu nội địa	256.210	23.086	9,01	96,87
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	2.091	8,04	68,99
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	6.661	10,41	106,07
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	7.601	10,12	110,72
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	8.600	7,96	110,26
III- Thu từ dầu thô	12.570	1.200	9,55	80,00

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,06% tổng thu nội địa, giảm 31,01% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 1.380 tỷ đồng, đạt 7,50% dự toán, giảm 35,81% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 711 tỷ đồng, đạt 9,36% dự toán, giảm 19,30% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 6.661 tỷ đồng, tăng 6,07% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 7.601 tỷ đồng, tăng 10,72% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 1 tháng năm 2018 ước thực hiện 6.197 tỷ đồng, đạt 7,98% dự toán, giảm 14,37% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 1 tháng năm 2018 ước thực hiện 4.448 tỷ đồng, đạt 5,12% dự toán, tăng 13,64% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 1 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 1 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	4.448	5,12	113,64
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	1.280	3,54	143,76
II- Chi thường xuyên	36.500	3.168	8,68	105,47
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	185	2,95	107,59
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	900	7,99	106,38
Sự nghiệp y tế	2.176	106	4,86	94,61
Quản lý hành chính	6.362	476	7,48	83,01

Chi đầu tư phát triển 1.280 tỷ đồng, đạt 3,54% dự toán, tăng 43,76% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 3.168 tỷ đồng, đạt 8,68% dự toán, tăng 5,47% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 185 tỷ đồng, đạt 2,95% dự toán, tăng 7,59%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 900 tỷ đồng, đạt 7,99% dự toán, tăng 6,38%; chi sự nghiệp y tế 106 tỷ đồng, đạt

4,86% dự toán, giảm 5,39%; chi quản lý hành chính 476 tỷ đồng, đạt 7,48% dự toán, giảm 16,99% so cùng kỳ 2017.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố duy trì tốc độ tăng trưởng khá so với các năm trước đảm bảo nguồn vốn và tạo điều kiện cho các Tổ chức tín dụng thực hiện mở rộng và tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch. Đến đầu tháng 1 đạt 2.005,16 nghìn tỷ đồng, tăng 0,17% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,22%) và tăng 12,81% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,41% tổng vốn huy động, tăng 8,5% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 52,22% tổng vốn huy động, tăng 14,05% so với tháng cùng kỳ. Đây là bộ phận tiền gửi chiếm tỷ trọng cao và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất so với các bộ phận tiền gửi khác.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,69%, tăng 6,03% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu ở mức 88,31%, tăng 13,77% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 1 đạt 1.749,38 ngàn tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 18,69% so với tháng 12/2016. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 918,04 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,48% tổng dư nợ, tăng 14,18% so tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 159,12 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,1% tổng dư nợ, tăng 14,84% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.590,25 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,9% tổng dư nợ, tăng 19,09% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối năm 2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 348 gồm 344 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng 11 (ngày 07/12 mã cổ phiếu TLD của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long giao dịch phiên đầu tiên; ngày 15/12 mã cổ phiếu IBC của Công ty Cổ phần Đầu tư Apex Holdings giao dịch phiên đầu tiên; các mã trái phiếu có phiên giao dịch đầu tiên trong tháng này: VIC11716 của Tập đoàn VINGROUP - Công ty Cổ phần, MSN11718 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.614.150 tỷ đồng, tăng 75,24% so với cuối năm 2016. Trong tháng 12/2017 có 21 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. VN-Index giảm ở nửa đầu tháng nhưng trở lại xu hướng tăng và kết thúc năm với giá trị cao nhất trong cả năm 2017. Trong tháng 12, VN-Index thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào ngày giao dịch: 01, 04, 28 và 29. Giao dịch trên thị trường về khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên trong tháng này đều giảm so với tháng trước. Đến cuối năm, VN-Index đạt 984,24 điểm, tăng 48,03% (tương ứng tăng 319,37 điểm) so với cuối năm 2016 và tăng 3,61% (tương ứng tăng 34,31 điểm) so với cuối tháng 11/2017.

Khối lượng giao dịch trong tháng 12/2017 đạt 4.471,34 triệu chứng khoán, giảm 12,46% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 115.017,80 tỷ đồng, giảm

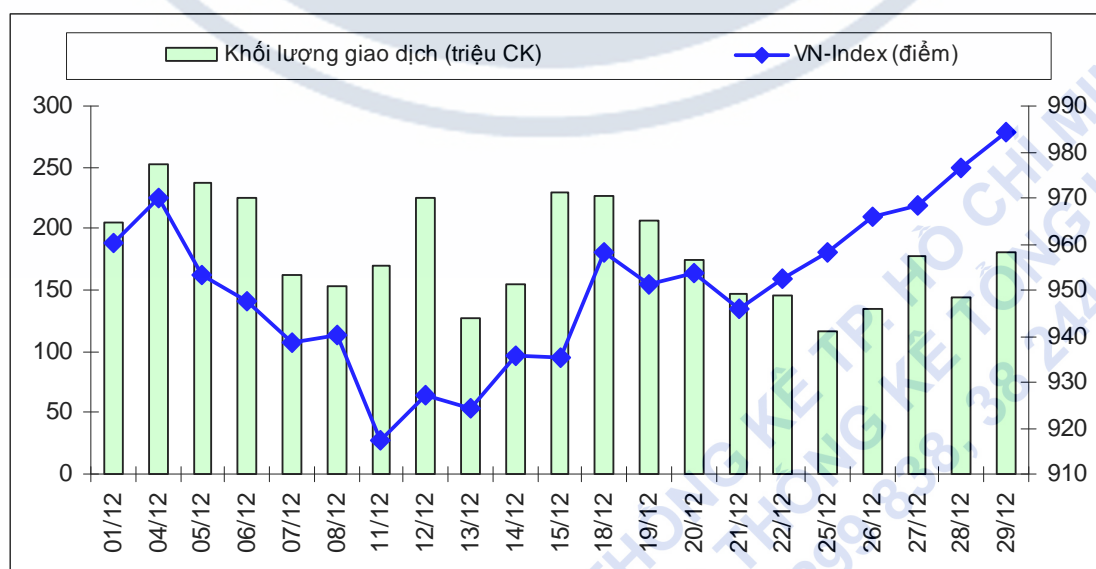
25,54% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 212,92 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 5.477,04 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 8,30% và giá trị giao dịch giảm 21,99% so với tháng trước.

Trong năm 2017, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 672,01 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 29/12 với 984,24 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12/2017	Cả năm 2017	Tháng 12 so tháng 11	Năm 2017 so 2016
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	4.471,34	48.070,55	87,54	148,22
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.406,13	47.703,07	87,26	147,84
Trái phiếu	22,99	165,99	117,51	162,53
Chứng chỉ quỹ & ETF	42,22	201,49	107,81	325,61
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.796,80	42.481,38	95,46	149,97
Giao dịch thỏa thuận	674,54	5.589,17	59,65	136,17
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	115.017,80	1.061.182,91	74,46	173,08
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	112.004,78	1.041.234,17	73,75	172,95
Trái phiếu	2.366,12	17.211,67	117,14	164,37
Chứng chỉ quỹ & ETF	646,90	2.737,07	112,81	438,06
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	90.427,54	862.493,35	95,36	172,35
Giao dịch thỏa thuận	24.590,26	198.689,56	41,23	176,30

Đồ thị VN-Index tháng 12/2017 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/01/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 351. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.868.235 tỷ đồng, tăng 9,72% so với cuối năm 2017; VN-Index đạt 1.063,47 điểm, tăng 79,23 điểm (tương ứng tăng 8,05%) so với cuối năm 2017.

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2017 đến ngày 15/12/2017)

1.1. Vi phạm kinh tế, môi trường: đã khám phá 93 vụ gồm 84 đối tượng vi phạm về lĩnh vực kinh tế; điều tra, khởi tố 16 vụ có 10 đối tượng vi phạm; đề nghị truy tố 8 vụ và 30 đối tượng, thu nộp ngân sách nhà nước khoảng 8,29 tỷ đồng. Trên lĩnh vực vi phạm môi trường, đã lập biên bản 22 vụ, ra quyết định xử phạt hành chính 32 vụ, thu nộp tài sản khoảng 2,6 tỷ đồng

1.2. Phạm pháp hình sự: đã xảy ra 401 vụ phạm pháp hình sự, giảm 8,24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó làm chết 9 người, bị thương 48 người, thiệt hại tài sản khoảng 12,4 tỷ đồng. Án trộm tài sản vẫn chiếm tỷ lệ cao 60,35% trong cơ cấu vụ phạm pháp.

Đã điều tra khám phá nhanh 269 vụ (đạt 67,08%) và bắt 342 người vi phạm

1.3. Tình hình phòng chống tệ nạn xã hội

– **Ma túy:** đã khám phá 103 vụ vi phạm, bắt 208 người vi phạm, thu giữ khoảng: 1,814 kg hêrôin; 8,37 kg ma túy tổng hợp; 01 khẩu súng; 01 xe ô tô; 41 xe gắn máy; 92 điện thoại di động; 52 triệu đồng; 1.600 USD và một số dụng cụ để phân chia và sử dụng ma túy. Đã khởi tố 82 vụ và 103 người bị can, xử lý hành chính 21 vụ 105 đối tượng.

– **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Phát hiện, xử lý 16 vụ, 36 đối tượng tổ chức, mua bán dâm (chủ yếu tại địa bàn quận 10).

– **Cờ bạc, cá độ:** Đã khám phá, xử lý 33 vụ 179 đối tượng tổ chức cờ bạc, thu giữ khoảng 265 triệu đồng và nhiều hiện vật. Tuy nhiên công tác xử lý cờ bạc lén lút trong các dịch vụ trò chơi điện tử còn lúng túng.

1.4. Trật tự an toàn giao thông:

– **Giao thông đường bộ:** đã xảy ra 353 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 62 người, bị thương 268 người, hư hỏng 485 xe các loại. Đã lập biên bản vi phạm hành chính 18.699 trường hợp, ra quyết định xử phạt 13.093 trường hợp, tước giấy phép lái xe 2.733 trường hợp, tạm giữ 2.103 xe các loại, chuyển kho bạc nhà nước khoảng 9 tỷ đồng.

– **Giao thông đường thủy:** xảy ra 01 vụ va chạm trên tuyến thủy nội địa, làm 01 người bị thương.

– **Giao thông đường sắt:** xảy ra 01 vụ, làm 01 người bị thương.

1.5. Về tình hình cháy nổ:

– **Tình hình cháy:** đã xảy ra 57 vụ cháy, giảm 33,72% so với cùng kỳ năm trước làm chết 4 người và 7 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 49 triệu đồng. Nguyên nhân xảy ra cháy phổ biến nhất là do sự cố hệ thống và thiết bị điện

– **Tình hình nổ:** Trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng 1/2018, các thành phần kinh tế đã thu hút 22.484 lao động vào làm việc, đạt 7,49% so với kế hoạch; số việc làm mới tạo ra là 3.404 việc làm, đạt 2,62% so với kế hoạch.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp: thành phố có 8.781 lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 9.506 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 22.101 người được tư vấn, giới thiệu việc làm; 1.393 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 01 năm 2018.